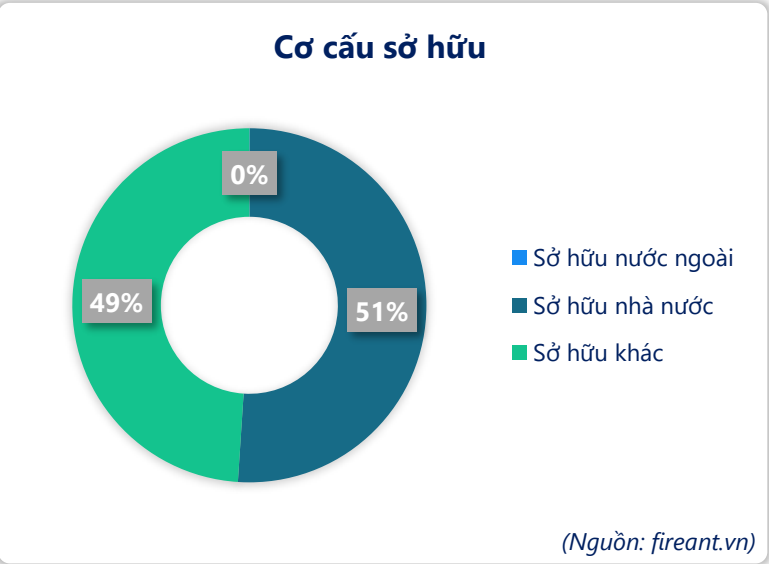
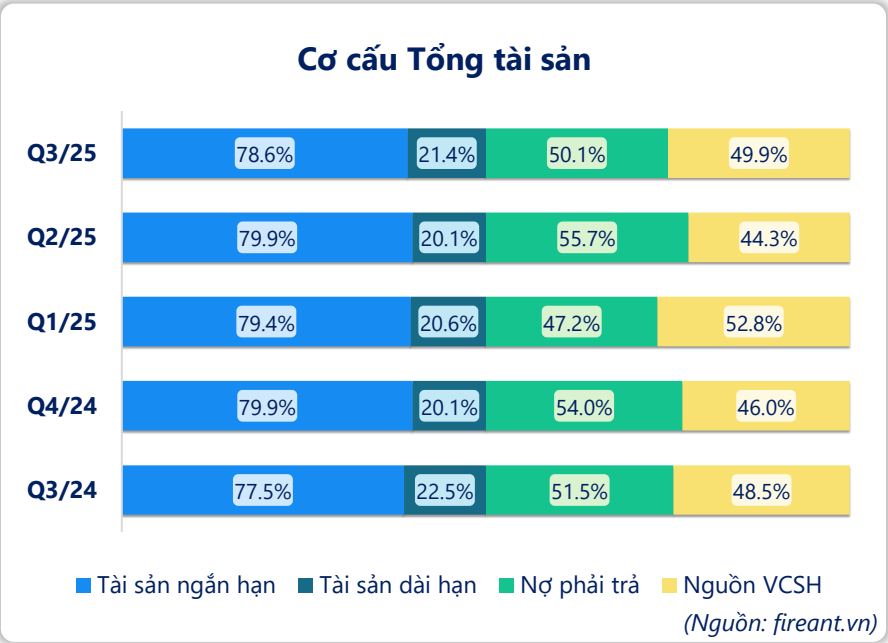
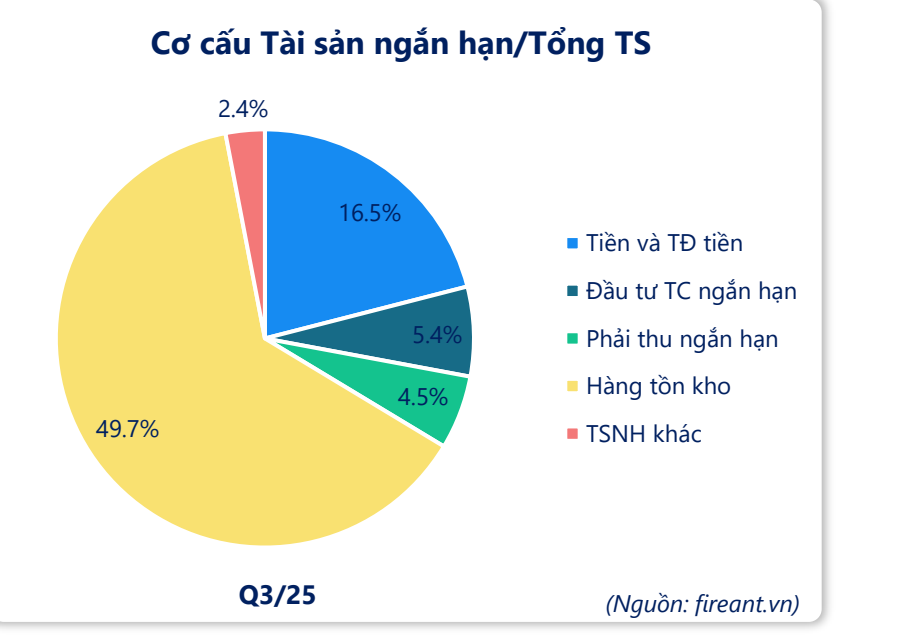
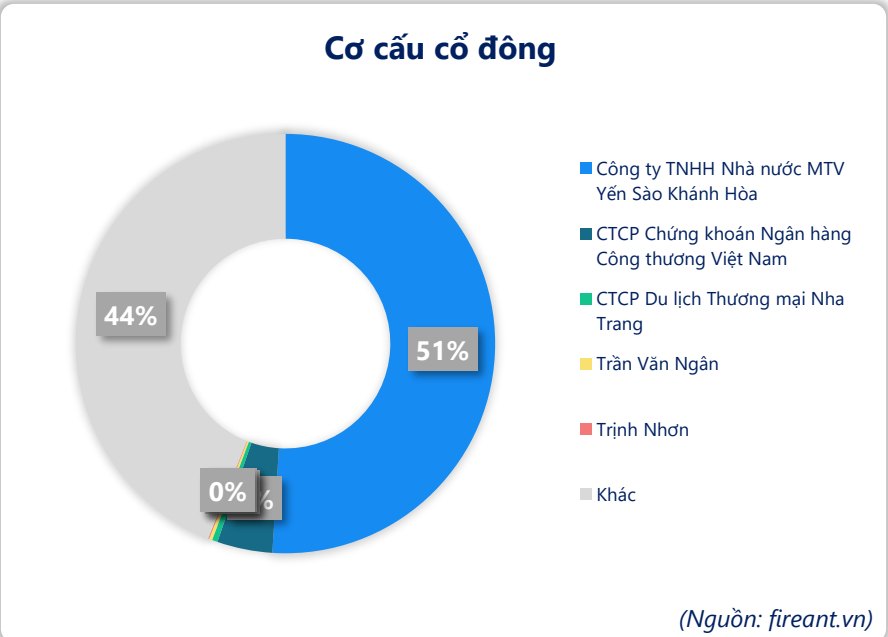
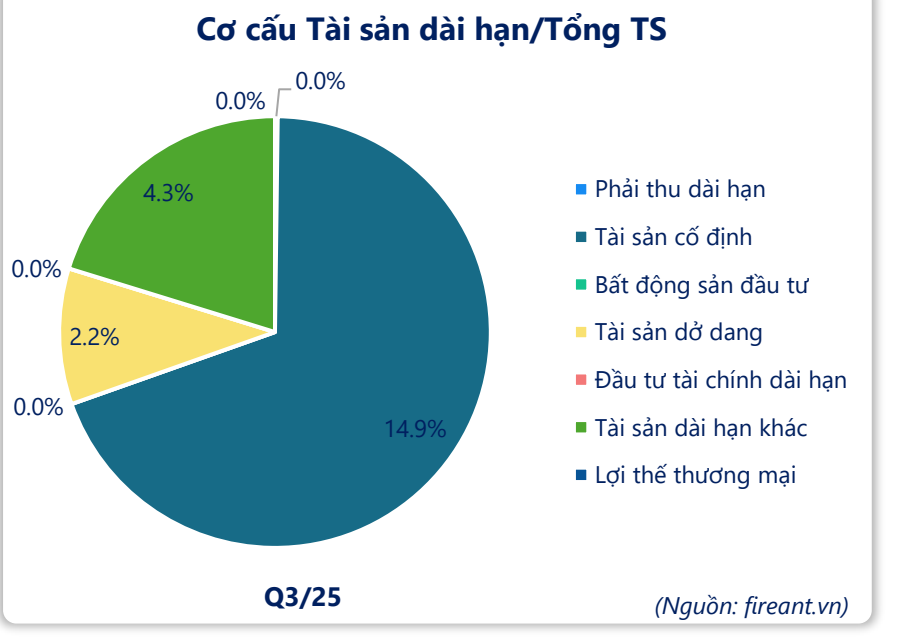
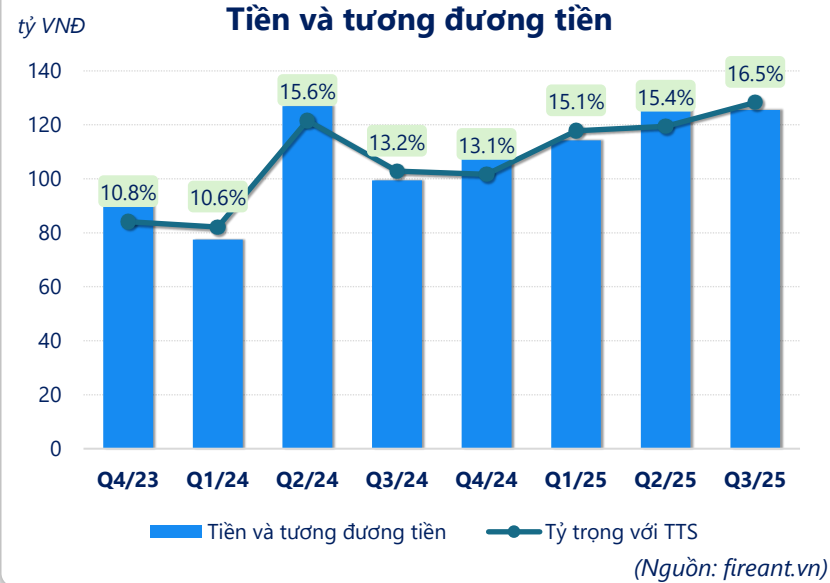
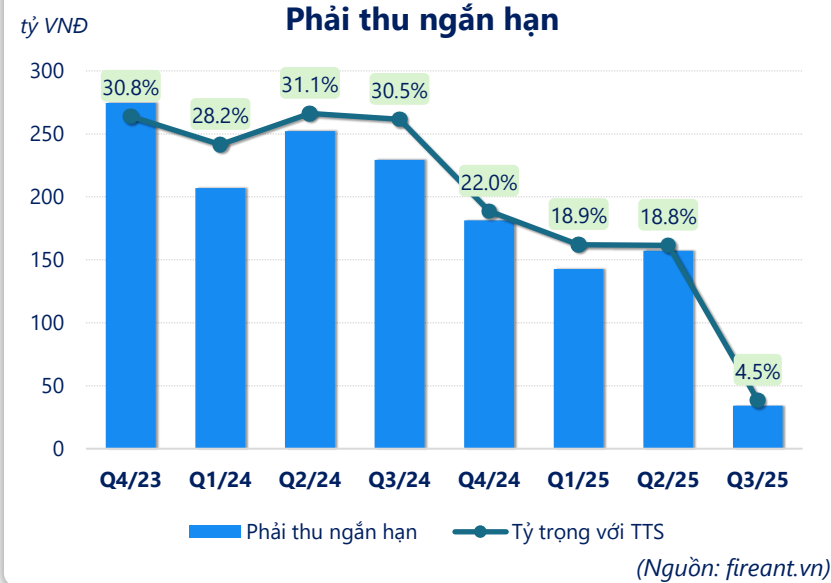
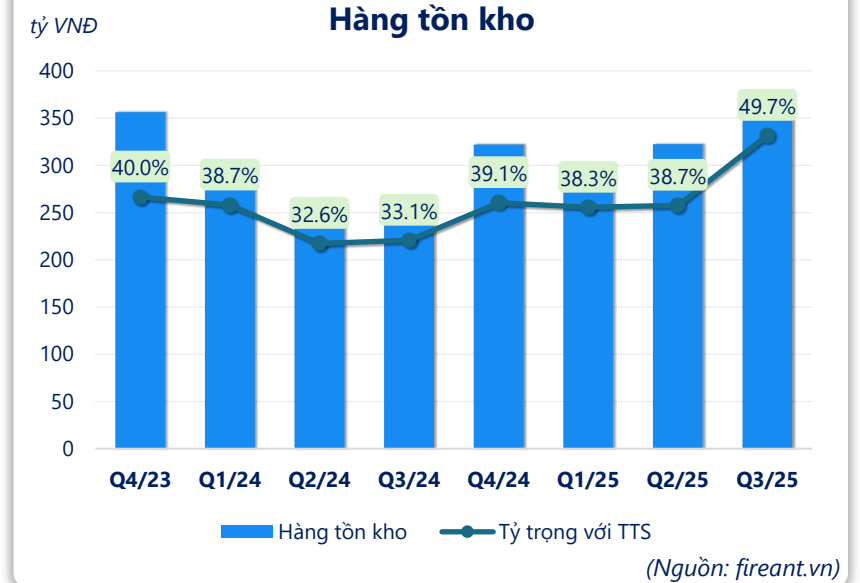
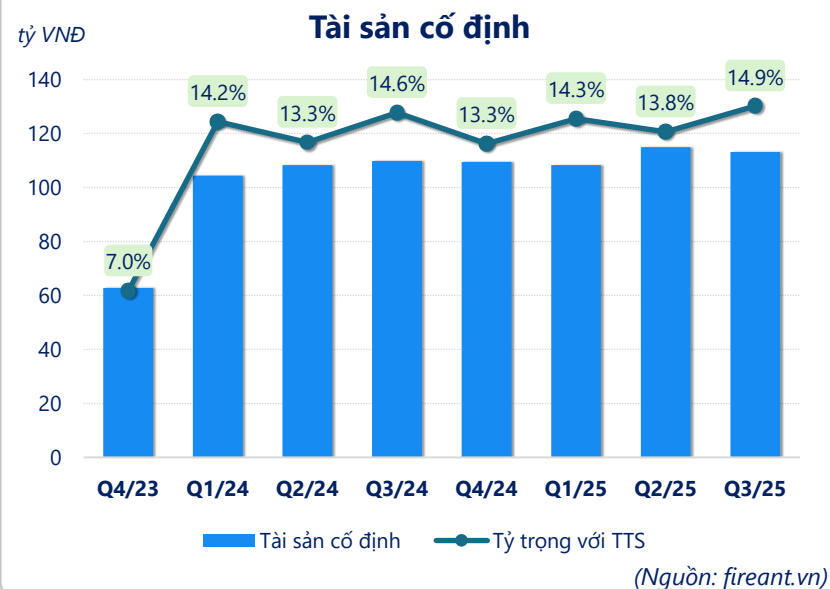
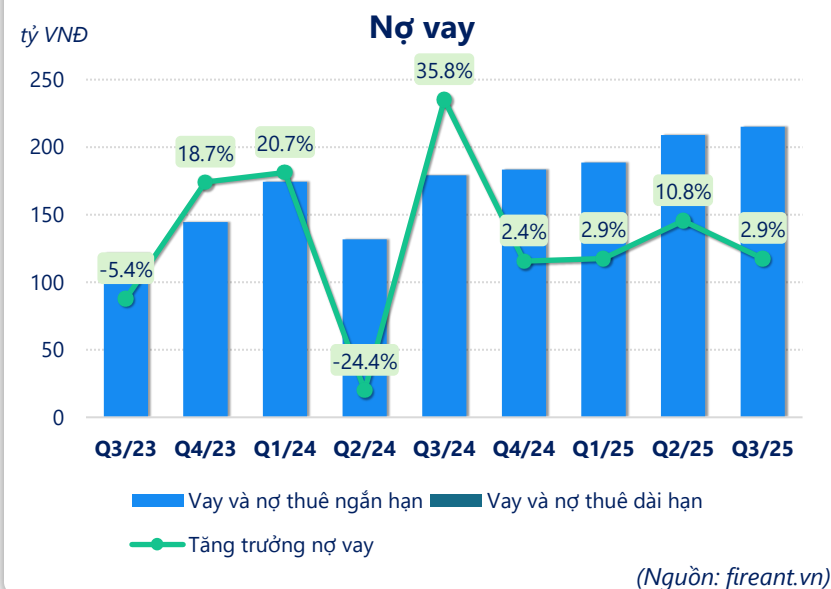
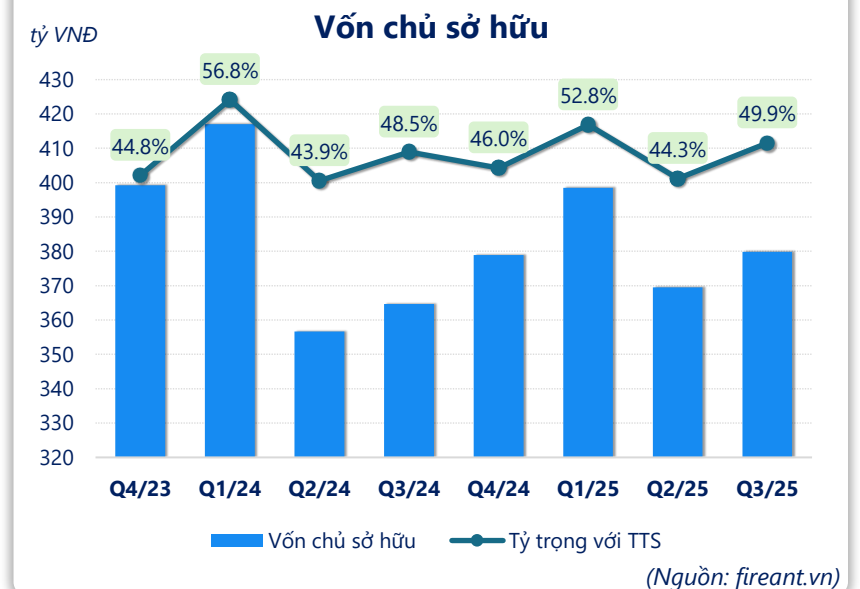
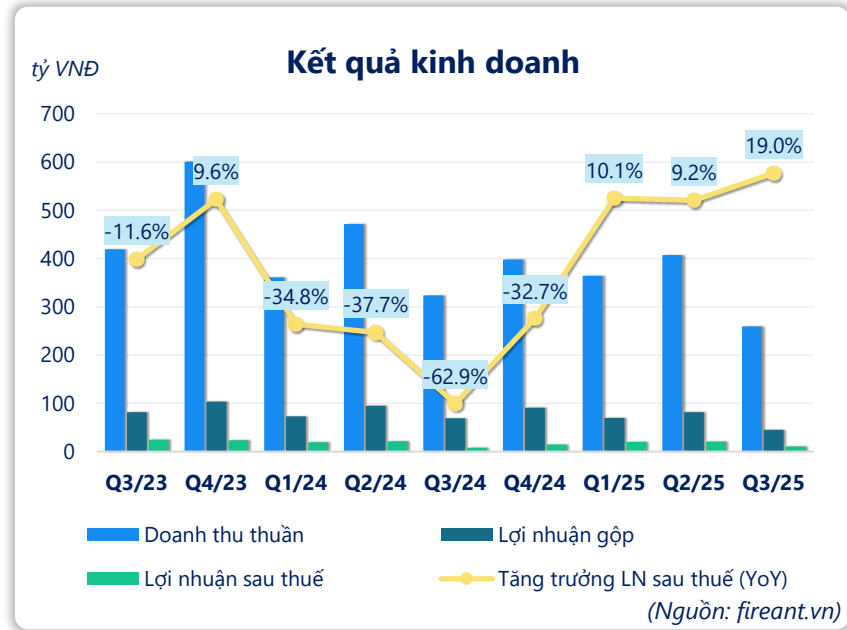
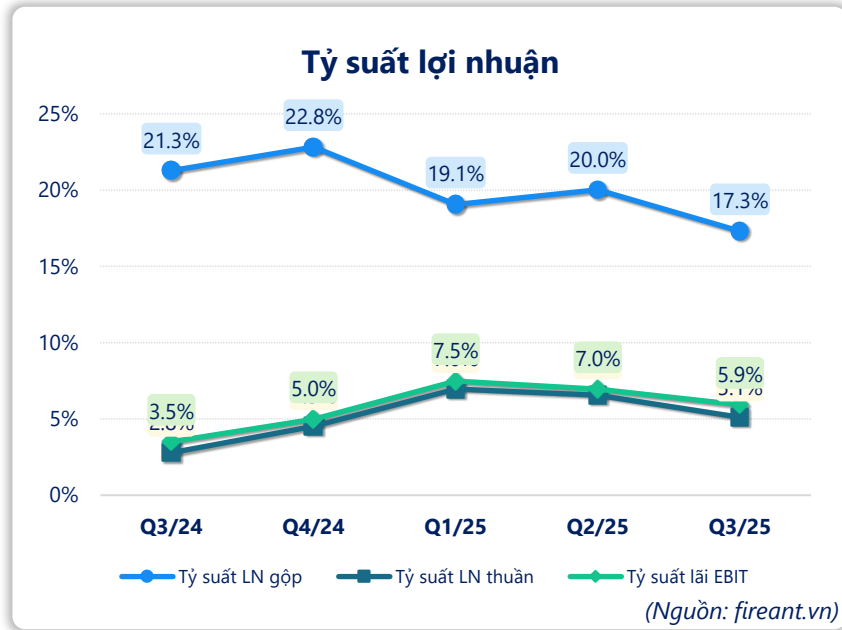
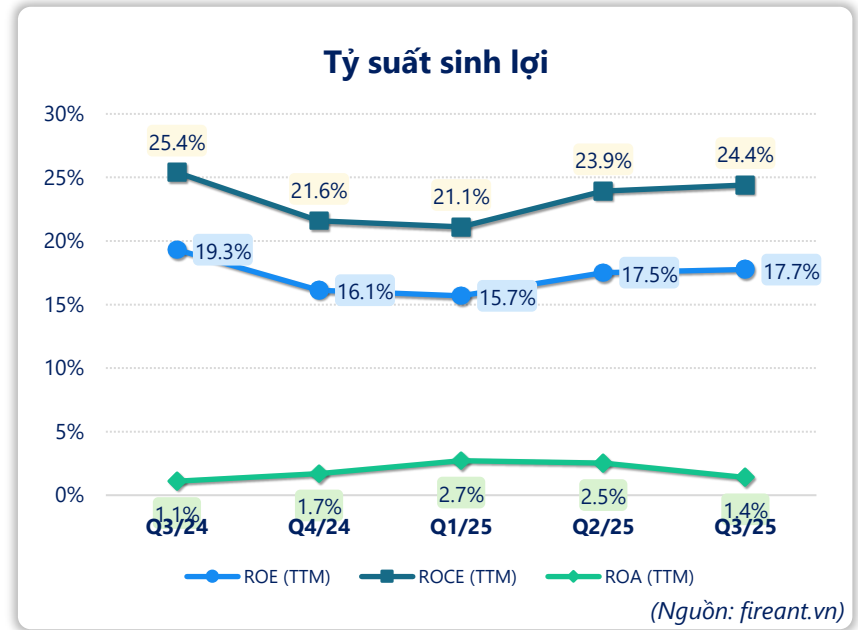
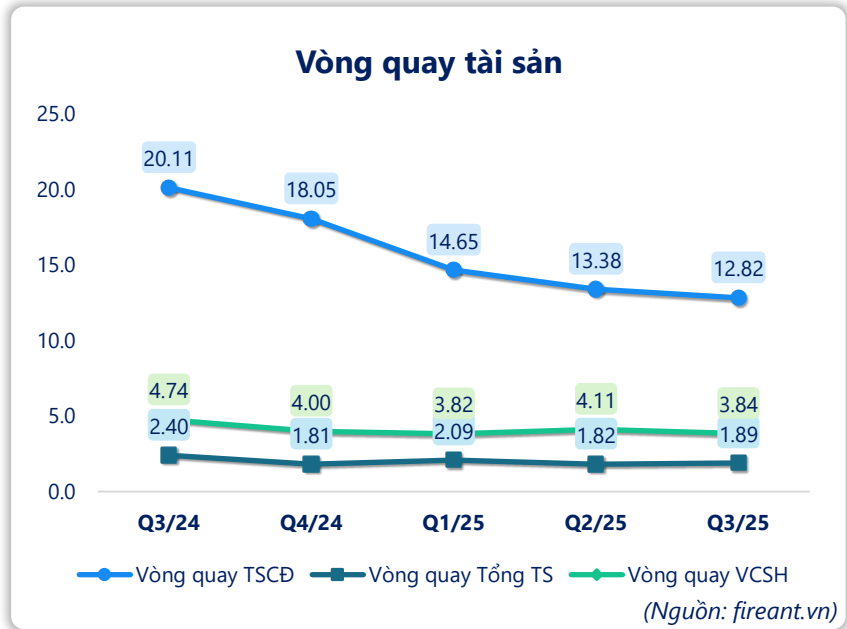
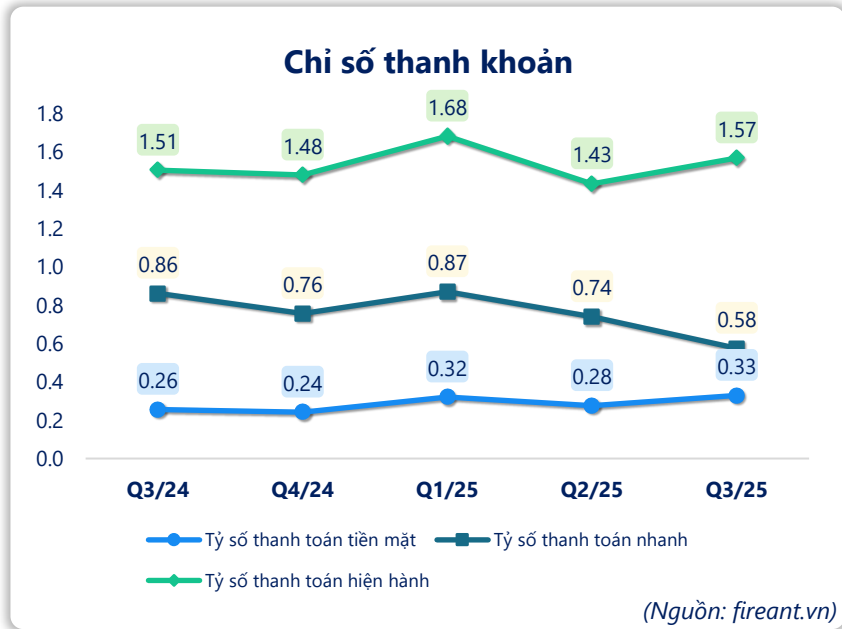
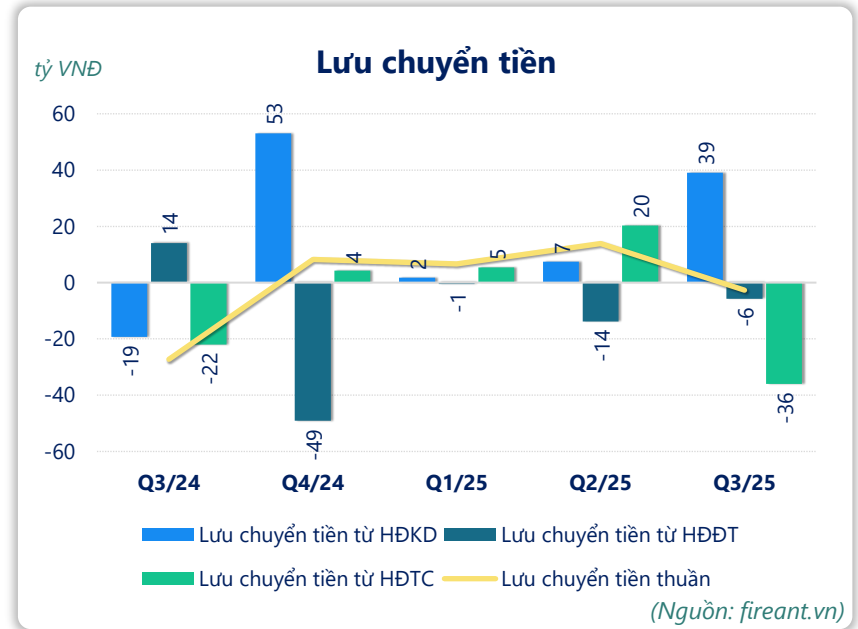


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		28,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		33,497
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		26,420
SL cổ phiếu LH		23,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,930
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		656
P/E		9.9
EPS		2,873

	YTD	1T	3T	6T
SKV	-4.7%	-0.3%	-5.0%	-2.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	761	823	-7.6%
Tài sản ngắn hạn	598	659	-9.3%
Tiền và tương đương tiền	125	108	16.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.4	39.6	4.5%
Phải thu ngắn hạn	34.1	181	-81.2%
Hàng tồn kho	378	322	17.6%
Tài sản ngắn hạn khác	18.1	8.24	120%
Tài sản dài hạn	163	164	-0.7%
Phải thu dài hạn	0.33	0.34	-2.1%
Tài sản cố định	113	113	0.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	16.6	0.23	7180%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	33.0	50.7	-34.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	381	444	-14.3%
Nợ ngắn hạn	381	444	-14.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	215	183	17.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	81.4	166	-50.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	380	379	0.3%
Vốn chủ sở hữu	380	379	0.3%
Vốn điều lệ	230	230	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.00	0.00	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	324	398	364	408	260
Giá vốn hàng bán	255	307	295	326	215
Lợi nhuận gộp	69.0	90.8	69.5	81.6	44.9
Doanh thu HĐTC	0.57	1.22	0.44	1.36	0.53
Chi phí TC	1.13	1.81	1.92	2.43	2.16
Chi phí lãi vay	1.06	1.41	1.82	1.77	2.16
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	44.4	52.6	27.0	36.8	17.7
Chi phí QLDN	15.0	19.6	15.6	17.0	12.4
LN thuần từ HĐKD	9.04	18.0	25.4	26.7	13.2
Lợi nhuận khác	1.27	0.42	0.08	-0.12	-0.01
LN trước thuế	10.3	18.4	25.4	26.6	13.2
Lợi nhuận sau thuế	8.08	14.6	20.2	20.7	10.6
LNST của CĐ cty mẹ	8.08	14.6	20.2	20.7	10.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-19.3	53.1	1.79	7.44	39.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	14.0	-49.1	-0.53	-13.8	-5.75
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-22.0	4.31	5.35	20.3	-36.0
Tiền đầu kỳ	127	99.4	108	114	128
Lưu chuyển tiền thuần	-27.3	8.24	6.61	13.9	-2.67
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.23	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	99.4	108	114	128	125

(Nguồn: fireant.vn)